

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Báo cáo tài chính
Quý 2 năm 2016 kết thúc ngày 30/06/2016

1	1. Tài sản ngắn hạn	10.314.332	10.314.332
2	2. Tài sản dài hạn	0	0
3	Tổng tài sản	10.314.332	10.314.332
4	1. Nợ ngắn hạn	10.314.332	10.314.332
5	2. Nợ dài hạn	0	0
6	Tổng nợ	10.314.332	10.314.332
7	Vốn chủ sở hữu	0	0
8	Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	10.314.332	10.314.332

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/4/2016 VND</i>
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		29.780.895.061	30.246.167.679
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	<i>5.859.444.733</i>	<i>4.986.308.956</i>
1. Tiền	111		5.859.444.733	4.986.308.956
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>5</i>	<i>23.549.168.314</i>	<i>1.529.729</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.567.620.808	1.689.843
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.452.494)	(160.114)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>330.703.710</i>	<i>149.911.111</i>
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		325.577.777	110.911.111
2. Các khoản phải thu khác	135		5.125.933	39.000.000
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>41.578.304</i>	<i>25.108.417.883</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<i>6</i>	30.763.492	79.251.002
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	<i>7</i>	10.814.812	25.029.166.881
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		357.771.724	398.937.724
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>8</i>	-	-
- Nguyên giá	222		167.080.104	288.985.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167.080.104)	(288.985.351)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<i>9</i>	-	-
- Nguyên giá	228		111.622.819	111.622.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(111.622.819)	(111.622.819)
<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>357.771.724</i>	<i>398.937.724</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>10</i>	96.064.044	96.064.044
2. Tài sản dài hạn khác	268	<i>11</i>	261.707.680	302.873.680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		30.138.666.785	30.645.105.403

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco,

521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3724 5785

Fax: (04) 3724 5787

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2016**kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/4/2016 VND</i>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		690.273.462	723.286.419
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>73.089.736</i>	<i>132.760.773</i>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	72.689.736	110.760.773
2. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	400.000	22.000.000
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>617.183.726</i>	<i>590.525.646</i>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	352	14	617.183.726	590.525.646
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.448.393.323	29.921.818.984
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>29.448.393.323</i>	<i>29.921.818.984</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(30.551.606.677)	(30.078.181.016)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		30.138.666.785	30.645.105.403



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/4/2016 VND</i>
1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			1.000	1.000
- EUR			285	285
2. Các chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý quỹ	006		4.567.610.000	910.000
Trong đó: Chứng khoán giao dịch	007		4.567.510.000	810.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		100.000	100.000
Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	16	132.885.883	60.258.798.135
Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		132.885.883	60.258.798.135
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		410.616.626.488	322.000.296.300
Trong đó: Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		410.616.626.488	322.000.296.300
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	17	-	-
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	18	28.172.136.738	127.184.879



Lê Chí Phúc
Tổng Giám đốc

Cao Thị Kim Nhạn
TUQ Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Nhạn
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
 ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Quý II-2016</i>	<i>Quý II-2015</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
1. Doanh thu	01		625.473.655	598.328.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh	10	19	625.473.655	598.328.091
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		625.473.655	598.328.091
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	801.607.332	3.767.264.668
7. Chi phí tài chính	22	21	30.013.233	49.950.314
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	1.857.198.954	1.851.883.318
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(460.131.200)	2.463.759.127
10. Thu nhập khác	31		1.450.000	-
11. Chi phí khác	32		14.744.461	-
12. Lợi nhuận khác	40		(13.294.461)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(473.425.661)	2.463.759.127
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(473.425.661)	2.463.759.127
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(78.9)	410,6



Lê Chí Phúc
Tổng Giám đốc

Cao Thị Kim Nhạn
TUQ Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Nhạn
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Quý II-2016 VND</i>	<i>Quý II-2015 VND</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.563.932.989	30.618.491.202
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(30.399.968.228)	(22.737.610.957)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.070.499.402)	(1.070.530.822)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		25.102.111.842	35.755.670
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(467.681.128)	(3.713.286.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		727.896.073	3.132.818.717
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ	22		1.450.000	-
2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		143.789.704	20.800.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		145.239.704	20.800.755
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		873.135.777	3.153.619.472
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	4.986.308.956	7.533.368.580
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(135.479)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	5.859.444.733	10.686.852.573



Lê Chi Phúc
Tổng Giám đốc

Cao Thị Kim Nhạn
TUQ Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Nhạn
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ngày 30 tháng 06 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI được thành lập và hoạt động theo:

- Quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quyết định số 50/UBCK-GP ngày 12 tháng 08 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ;
- Quyết định số 168/QĐ – UBCK ngày 15 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về lập văn phòng đại diện tại Tp.HCM;
- Quyết định số 724/QĐ – UBCK ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi bổ sung địa chỉ văn phòng đại diện tại Tp.HCM
- Quyết định số 16/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc thay đổi trụ sở chính và thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 37/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 02/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ;
- Quyết định số 15/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh “Tư vấn đầu tư chứng khoán”.

Trụ sở chính: Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh: Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Kinh doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 17 người, trong đó 11 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

Ngày 22/12/2014 Bộ tài chính đã ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế QĐ15/2006/QĐ-BTC và TT244/2009/TT-BTC nhưng hiện nay Công ty vẫn đang xem xét về việc trình bày báo cáo theo hướng dẫn của thông tư này, và sẽ thay đổi việc trình bày báo cáo tài chính cho đến khi có hướng dẫn cụ thể thay thế cho thông tư 125/2011/TT-BTC.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)***Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí đồ dùng, thiết bị văn phòng, chi phí thuê văn phòng được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi được ghi nhận khi thu nhập phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	66.013.235	31.865.611
Tiền gửi ngân hàng	5.793.431.498	4.954.443.345
Cộng	5.859.444.733	4.986.308.956

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
A. Ngắn hạn	23.549.168.314	1.529.729
I. Chứng khoán thương mại	23.567.620.808	1.689.843
- Cổ phiếu niêm yết	23.567.620.808	1.689.843
II. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(18.452.494)	(160.114)
- Cổ phiếu niêm yết	(18.452.494)	(160.114)
Cộng	23.549.168.314	1.529.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

<i>Chi tiêu</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016 VND</i>
Chi phí thuê văn phòng tại Hồ Chí Minh	-	-
Chi phí teambuilding	-	-
Chi phí CCDC chờ phân bổ khác	30.763.492	79.251.002
Cộng	30.763.492	79.251.002

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chi tiêu</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016 VND</i>
Tạm ứng	10.814.812	29.166.881
Đặt cọc mua trái phiếu	-	25.000.000.000
Cộng	10.814.812	25.029.166.881

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chi tiêu</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị quản lý VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/04/2016	-	288.985.351	288.985.351
Thanh lý	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2016	-	167.080.104	167.080.104
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/04/2016	-	288.985.351	288.985.351
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Thanh lý	-	121.905.247	-
Số dư tại ngày 30/06/2016	-	167.080.104	167.080.104
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/04/2016	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2016	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiêu</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016 VND</i>
Chi phí công cụ chờ phân bổ	53.757.744	53.757.744
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	42.306.300	42.306.300
Cộng	96.064.044	96.064.044

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

<i>Chi tiêu</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016 VND</i>
Ký quỹ thuê văn phòng Hà Nội	182.407.680	182.407.680
Ký quỹ thuê văn phòng HCM	51.300.000	110.466.000
Ký quỹ thẻ taxi Mai Linh, Vinasun, Group	28.000.000	10.000.000
Cộng	261.707.680	302.873.680

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chi tiêu</i>	<i>Tại ngày 30/06/2016 VND</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân	72.689.736	110.760.773
Cộng	72.689.736	110.760.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 ngày 30 tháng 06 năm 2016

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chi tiêu</i>	<i>Tại ngày</i> 30/06/2016 <i>VND</i>	<i>Tại ngày</i> 01/04/2016 <i>VND</i>
Ứng trước phí thường quản lý danh mục	-	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	-
Phải trả tiền thuê VP HCM	-	-
Phải trả khác	400.000	22.000.000
Cộng	400.000	22.000.000

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

<i>Chi tiêu</i>	<i>Tại ngày</i> 30/06/2016 <i>VND</i>	<i>Tại ngày</i> 01/04/2016 <i>VND</i>
Dự phòng phải trả trợ cấp mất việc làm	617.183.726	590.525.646
Cộng	617.183.726	590.525.646

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

<i>Cổ đông</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i> <i>(%)</i>	<i>Tại ngày</i> 30/06/2016 <i>VND</i>	<i>Tại ngày</i> 01/04/2016 <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	2,25	1.350.000.000	1.350.000.000
Ông Đặng Thành Tâm	3,43	2.060.000.000	2.060.000.000
Ông Trần Hữu Hồng Trường	16,02	9.610.000.000	9.610.000.000
Ông Trần Ngọc Điệp	53,39	32.030.000.000	32.030.000.000
Ông Vũ Quang Thịnh	8,25	4.950.000.000	4.950.000.000
Ông Lê Chí Phúc	8,33	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Ngô Thị Minh Tuyền	8,33	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	100,00	60.000.000.000	60.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quý II-2016</i>	<i>Quý I-2016</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Số dư đầu kỳ	60.258.798.135	62.823.591.722
Số tăng trong kỳ	10.829.500.622	81.668.185.887
Số giảm trong kỳ	70.955.412.874	84.232.979.475
Số dư cuối kỳ	132.885.883	60.258.798.135

17. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày</i>	<i>Tại ngày</i>
	<i>30/06/2016</i>	<i>01/04/2016</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	-
Phải thu ứng trước tiền thưởng quản lý danh mục	-	-
Phải thu tiền đặt cọc mua trái phiếu	-	-
Cộng	-	-

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày</i>	<i>Tại ngày</i>
	<i>30/06/2016</i>	<i>01/04/2016</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả tiền mua chứng khoán	27.792.548.444	-
Phải trả lãi vay	37.445.350	-
Phải trả về phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	325.577.777	110.911.111
Phải trả phí thưởng hoạt động	-	-
Phải trả phí cho ngân hàng	16.565.167	16.273.768
Phải trả thuế TNCN	-	-
Cộng	28.172.136.738	127.184.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 ngày 30 tháng 06 năm 2016

19. DOANH THU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quý II-2016</i> <i>VND</i>	<i>Quý II-2015</i> <i>VND</i>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	625.473.655	598.328.091
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	-	-
Cộng	625.473.655	598.328.091

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quý II-2016</i> <i>VND</i>	<i>Quý II-2015</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi	143.765.044	20.773.455
Lãi đầu tư tài chính	657.817.628	3.746.463.913
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.660	27.300
Cộng	801.607.332	3.767.264.668

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quý II-2016</i> <i>VND</i>	<i>Quý II-2015</i> <i>VND</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	49.866.419
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	18.292.380	83.895
Chi phí tài chính khác	11.720.853	-
Cộng	30.013.233	49.950.314

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quý II-2016</i> <i>VND</i>	<i>Quý II-2015</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.249.852.718	1.211.018.608
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.910.935	35.991.833
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	524.485.221	579.604.632
Chi phí bằng tiền khác	44.950.080	25.268.245
Cộng	1.857.198.954	1.851.883.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quý II-2016</i> <i>VND</i>	<i>Quý II-2015</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	(473.425.661)	2.463.759.127
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	42.598.770	51.765.797
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	24.660	27.300
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) - (3)	(430.851.551)	2.515.497.624
Chuyển lỗ năm trước (5)	-	(2.515.497.624)
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Từ khi thành lập đến nay (từ 2008 đến 2016), cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Quý II-2016</i> <i>VND</i>	<i>Quý II-2015</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(473.425.661)	2.463.759.127
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	(473.425.661)	2.463.759.127
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	6.000.000	6.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	(78,9)	410,6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Tại ngày 30/06/2015</i>		<i>Tại ngày 01/4/2016</i>		<i>Tại ngày 30/06/2016</i>	<i>Tại ngày 01/04/2016</i>
	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính						
Đầu tư ngắn hạn	23.567.620.808	18.452.494	1.689.843	160.114	23.549.168.314	1.529.729
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	325.577.777	-	110.911.111	-	325.577.777	110.911.111
Các khoản phải thu khác	5.125.933	-	39.000.000	-	5.125.933	39.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.859.444.733		4.986.308.956		5.859.444.733	4.986.308.956
Cộng	29.757.769.251	18.452.494	5.137.909.910	160.114	29.739.316.757	5.137.749.796
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	400.000	-	22.000.000	-	400.000	22.000.000
Cộng	400.000	-	22.000.000	-	400.000	22.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

26. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 30 tháng 06 năm 2016

26. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng (nhà đầu tư ủy thác).

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cuối kỳ				
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	400.000	-	-	400.000
Dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc	-	-	617.183.726	617.183.726
Đầu kỳ				
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22.000.000	-	-	22.000.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ngày 30 tháng 06 năm 2016

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty; Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn, cũng không bị giảm giá.

Công ty có nhóm tài sản tài chính giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i> <i>VND</i>	<i>Giảm giá</i> <i>VND</i>
Các khoản đầu tư	23.567.620.808	-	18.452.494



Lê Chí Phúc
Tổng Giám đốc

Cao Thị Kim Nạ
TUQ Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Nạ
Người lập biểu